

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tổng số		Tài sản ngắn hạn					
				Tổng số		Trong đó			
						Tiền và các khoản tương đương tiền		Tiền	
				Tài sản ngắn hạn		Tiền và các khoản tương đương tiền		Tiền	
		MS BCDKT 270		MS BCDKT 100		MS BCDKT 110		MS BCDKT 111	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	83,214,678	79,782,981	36,564,730	34,286,473	9,571,042	7,384,793	3,065,243	2,739,656
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	66,390,919	62,703,162	26,634,176	23,811,505	7,863,464	5,573,794	2,224,755	1,818,742
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	1,602,979	1,732,534	1,082,589	1,233,570	88,172	103,586	45,355	41,976
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	3,908,083	3,654,062	2,265,010	1,885,239	407,121	127,251	163,192	24,304
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	3,493,575	2,798,614	1,190,476	824,597	222,176	69,358	222,176	69,358
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	7,577,310	7,144,375	1,345,162	1,267,917	403,855	514,074	173,855	83,765
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	3,812,462	4,031,989	1,831,481	2,461,971	216,123	800,451	216,123	68,759
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	1,661,751	1,574,986	564,550	512,423	62,155	97,656	62,155	87,656
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	2,396,261	2,475,878	994,769	1,098,508	774,687	675,415	265,966	401,226
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	694,049	660,061	335,594	300,441	86,220	47,617	62,090	17,617
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	10,909,111	9,846,038	7,279,089	6,322,890	178,549	208,117	178,549	208,117
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	7,587,381	7,277,219	2,343,898	2,134,728	1,825,021	759,288	177,215	218,288
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	2,494,594	2,458,763	809,243	535,264	212,308	69,350	105,109	39,244
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	666,304	620,329	137,501	91,068	31,177	27,152	10,353	6,451
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	268,491	280,220	86,042	89,968	43,614	36,744	42,214	35,744
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	1,749,296	1,804,972	949,170	1,023,923	200,059	33,637	70,059	33,637
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	4,950,811	4,677,532	901,582	858,279	267,453	230,498	8,739	11,539
16	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỢC SÀI GÒN	1,999,890	1,685,276	1,668,690	1,354,711	49,839	65,398	49,839	65,398
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	10,618,571	9,980,313	2,849,330	1,816,008	2,794,935	1,708,202	371,766	405,663

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tổng số		Tài sản ngắn hạn					
				Tổng số		Trong đó			
						Tiền và các khoản tương đương tiền			
				Tài sản ngắn hạn		Tiền và các khoản tương đương tiền		Tiền	
		MS BCDKT 270		MS BCDKT 100		MS BCDKT 110		MS BCDKT 111	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	16,823,759	17,079,819	9,930,554	10,474,968	1,707,578	1,810,999	840,488	920,914
18	Quý phát triển nhà ở TP	1,081,587	985,035	203,741	221,595	92,007	103,595	92,007	103,595
19	Quý bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	299,712	299,479	235,544	227,296	233,158	225,569	2,191	1,613
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	1,340,088	2,003,769	946,128	1,616,664	93,186	134,514	45,410	30,802
21	Công ty TNHH MTV 27-7	82,360	89,058	39,261	38,294	2,370	293	2,370	293
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	1,471,867	1,356,749	85,240	115,321	15,065	11,376	15,065	11,376
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	120,761	129,944	8,694	11,430	231	214	231	214
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	249,131	269,354	79,078	76,899	14,050	12,257	14,050	12,257
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	372,511	266,436	360,166	255,227	31,976	25,492	31,976	25,492
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	431,630	441,269	335,448	343,119	306,118	279,479	19,566	5,732
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	957,095	1,139,456	864,197	974,607	162,548	146,152	162,548	146,152
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	2,227,704	2,096,697	1,917,837	1,927,139	52,050	17,913	52,050	17,913
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	771,647	763,652	628,512	615,521	21,706	32,965	21,706	32,965
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	127,317	123,542	94,434	86,188	33,773	30,411	33,773	30,411
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	677,777	704,290	36,671	69,977	10,622	25,054	10,622	25,054
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	161,117	226,210	155,210	219,098	13,379	17,571	13,379	17,571
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	563,254	591,207	410,582	412,681	39,988	21,080	253	21,080
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	275,251	259,807	167,203	154,575	54,110	70,302	11,110	43,802
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	144,717	169,169	118,978	142,093	43,176	47,526	13,176	16,726
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	119,161	119,207	63,100	63,045	58,841	61,921	58,841	61,921
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	124,266	95,891	103,788	76,856	22,475	24,296	11,975	2,816
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	660,440	597,713	624,859	577,085	17,448	13,591	16,448	12,591
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	196,630	241,977	72,671	110,586	42,343	64,315	976	3,703

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tổng số		Tài sản ngắn hạn					
				Tổng số		Trong đó			
						Tiền và các khoản tương đương tiền			
				Tài sản ngắn hạn		Tiền và các khoản tương đương tiền		Tiền	
		MS BCDKT 270		MS BCDKT 100		MS BCDKT 110		MS BCDKT 111	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	241,489	219,932	229,872	211,569	14,506	18,105	13,756	18,105
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	81,700	77,535	51,899	41,664	24,485	22,634	13,893	7,144
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	53,669	43,589	52,913	42,001	7,668	14,505	7,667	14,505
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	45,421	36,613	43,511	33,523	69	1,598	69	1,598
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	364,075	344,936	223,096	218,499	90,972	93,964	23,317	19,716
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	626,063	656,050	79,489	82,646	69,347	74,767	21,349	24,592
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	144,129	135,110	131,471	125,704	7,490	752	7,490	752
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	123,222	128,365	45,250	46,843	4,797	7,165	4,797	7,165
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	137,930	124,622	104,513	92,202	50,060	63,023	43,214	56,574
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	1,106,919	877,017	941,577	832,083	19,357	17,502	17,005	15,586
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	74,703	68,980	67,839	62,942	16,570	13,262	16,570	13,262
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	48,425	48,755	38,716	40,629	20,558	25,426	20,558	25,426
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	1,319,992	1,348,405	369,067	309,368	21,080	92,410	21,080	92,410

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Tiền và các khoản tương đương tiền		Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
		Các khoản tương đương tiền		Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		Đầu tư ngắn hạn		Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	
		MS BCĐKT 112		MS BCĐKT 120		MS BCĐKT 121		MS BCĐKT 129	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	6,505,799	4,645,137	7,944,081	7,640,258	8,000,247	7,651,007	(56,166)	(10,749)
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	5,638,709	3,755,052	7,798,128	7,301,057	7,854,294	7,311,806	(56,166)	(10,749)
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	42,817	61,610	170,000	230,890	170,000	230,890	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	243,929	102,947	1,420	1,325	1,420	1,325	-	-
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV			5,738	1,113	5,738	1,113	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	230,000	430,309	262,807	165,000	262,807	165,000	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	731,692	350,000	429,408	350,000	429,408	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	10,000	81,217	40,000	81,217	40,000	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	508,721	274,189	18,000	-	18,000	0	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	24,130	30,000	8,273	5,305	8,273	5,305	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	6,260,424	5,177,572	6,260,424	5,177,572	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	1,647,806	541,000	319,360	1,080,968	319,360	1,080,968	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	107,199	30,106	320,889	159,344	375,333	168,241	(54,444)	(8,897)
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	20,824	20,701	-	132	-	261	-	(129)
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	1,400	1,000	-	-	-	1		(1)
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	130,000	-	-	-	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	258,714	218,959	-	10,000	-	10,000	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	-	-	-	-	1,722	1,722	(1,722)	(1,722)
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	2,423,169	1,302,539	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Tiền và các khoản tương đương tiền		Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
		Các khoản tương đương tiền		Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		Đầu tư ngắn hạn		Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	
		MS BCĐKT 112		MS BCĐKT 120		MS BCĐKT 121		MS BCĐKT 129	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	867,090	890,085	145,953	339,201	145,953	339,201	-	-
18	Quỹ phát triển nhà ở TP			-	-	-	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	230,967	223,956	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	47,776	103,712	-	3,398	-	3,398	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7			-	-	-	-	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi			-	-	-	-	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương			-	-	-	-	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung			51,600	52,000	51,600	52,000	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao			-	-	-	-	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	286,552	273,747	-	30,000	-	30,000	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	0	0	0	0	-	-	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4			-	-	-	-	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5			-	-	-	-	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận			-	-	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh			36,000	150,000	36,000	150,000	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	39,735	-	58,353	102,218	58,353	102,218	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	43,000	26,500	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	30,000	30,800	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	-	-	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	10,500	21,480	-	-	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	1,000	1,000	0	1,585	-	1,585	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	41,367	60,612	-	-	-	-	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Tiền và các khoản tương đương tiền		Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
		Các khoản tương đương tiền		Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		Đầu tư ngắn hạn		Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	
		MS BCĐKT 112		MS BCĐKT 120		MS BCĐKT 121		MS BCĐKT 129	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	750	-	-	-	-	-	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	10,592	15,490	-	-	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	67,655	74,248	-	-	-	-	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	47,998	50,175	-	-	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	-	-	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	-	-	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	6,846	6,449	-	-	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	2,352	1,916	-	-	-	-	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Các khoản phải thu ngắn hạn							
		Các khoản phải thu ngắn hạn		Phải thu khách hàng		Trả trước cho người bán		Phải thu nội bộ ngắn hạn	
		MS BCĐKT 130		MS BCĐKT 131		MS BCĐKT 132		MS BCĐKT 133	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	8,070,188	7,928,799	4,130,337	3,730,348	1,140,696	1,219,686	56,631	56,725
	<u>A. KHỎI TỔNG CÔNG TY</u>	5,530,215	5,517,821	2,582,755	2,301,071	654,986	760,743	56,631	56,285
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	308,243	383,971	146,670	94,047	56,391	13,966	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	1,069,560	872,922	148,597	10,101	13,194	21,166	-	-
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	510,896	390,158	156,609	204,591			48,030	47,684
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	280,977	292,838	168,351	100,526	31,255	108,833	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	442,753	540,089	247,563	314,612	79,460	89,259	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	211,009	204,996	187,352	172,553	7,948	9,942	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	107,164	327,663	52,660	96,062	35,663	149,106	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	165,560	159,872	116,384	127,847	37,290	20,760	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	549,703	485,913	363,964	284,385	222,274	201,542	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	149,472	202,287	72,536	76,749	11,152	6,419	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	143,889	124,765	2,497	6,768	1,427	3,057	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	87,055	44,228	43,869	15,285	5,001	2,715	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	21,836	29,755	17,547	25,857	1,131	4,295	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	66,299	72,133	2,508	1,978	6,152	10,100	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	574,658	560,936	42,019	47,763	126,835	101,987	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	787,285	718,481	813,629	721,947	18,373	16,908	8,601	8,601
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	53,856	106,814			1,440	688	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Các khoản phải thu ngắn hạn							
		Các khoản phải thu ngắn hạn		Phải thu khách hàng		Trả trước cho người bán		Phải thu nội bộ ngắn hạn	
		MS BCDKT 130		MS BCDKT 131		MS BCDKT 132		MS BCDKT 133	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	2,539,973	2,410,978	1,547,582	1,429,277	485,710	458,943	-	440
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	99,562	106,139			3,414	3,464	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	2,263	1,704	267	318	1,296	1,283	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	210,606	474,865	81,011	355,524	92,700	58,859	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	18,699	6,953	13,712	3,338	0	273	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	57,770	87,456	20,498	21,635	36,752	65,135	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	6,968	10,053	2,432	3,328	3,113	5,311	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	8,097	9,024	5,781	6,090	1,656	741	-	440
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	317,015	214,201	271,669	186,257	30,256	12,053	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	27,416	31,810	3,903	6,145	21,252	21,258	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	101,931	98,895	44,822	47,939	18,332	17,956	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	33,177	31,101	13,667	18,749	16,274	12,559	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	157,492	145,683	53,487	49,271	4,353	13,098	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	28,008	22,508	28,456	21,269	75	1,085	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	23,885	42,584	17,277	32,639	5,795	8,867	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	82,048	40,728	76,500	33,193	4,024	2,887	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	226,377	221,188	205,032	208,862	37,632	22,395	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	58,196	31,451	48,068	26,801	7,319	4,243	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	63,750	71,187	43,436	43,061	19,741	28,627	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	1,219	539	1,155	539	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	68,549	33,645	68,095	32,971	318	223	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	162,883	163,916	8,355	10,727	70,467	68,531	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	19,515	20,603	9,013	14,776	9,526	5,046	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Các khoản phải thu ngắn hạn							
		Các khoản phải thu ngắn hạn		Phải thu khách hàng		Trả trước cho người bán		Phải thu nội bộ ngắn hạn	
		MS BCĐKT 130		MS BCĐKT 131		MS BCĐKT 132		MS BCĐKT 133	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	22,138	18,247	13,824	11,257	2,486	2,743	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	25,316	13,641	25,674	9,691	90	196	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	43,399	24,421	31,932	23,863	37	341	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	26,645	19,462	25,283	19,046	1,022	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	85,510	71,645	15,253	12,841	67,999	56,597	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	8,123	6,465	8,047	5,923	9	547	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	111,674	122,288	21,128	10,213	885	4,004	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	28,884	22,557	25,347	18,210	509	709	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	34,079	14,890	17,472	6,881	6,557	7,423	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	22,114	22,224	11,811	9,030	6,248	7,373	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	40,160	37,942	29,812	27,182	416	738	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	17,519	13,136	17,991	12,752	20	520	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	298,986	157,827	287,372	138,956	15,137	23,858	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Các khoản phải thu ngắn hạn						Hàng tồn kho	
		Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		Các khoản phải thu khác		Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		Hàng tồn kho	
		MS BCDKT 134		MS BCDKT 135		MS BCDKT 139		MS BCDKT 140	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	92,966	144,142	3,147,967	3,236,905	(498,410)	(459,006)	9,967,103	10,300,021
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	33,745	77,974	2,642,020	2,731,576	(439,922)	(409,828)	4,966,652	4,871,000
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	111,685	281,050	(6,503)	(5,092)	497,183	493,861
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	907,769	841,655			727,070	812,667
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	327,241	158,327	(20,984)	(20,444)	427,777	330,729
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	-	92,838	94,665	(11,467)	(11,186)	330,664	253,383
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	116,022	136,510	(292)	(292)	796,990	671,049
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	20,390	26,029	(4,681)	(3,528)	166,027	154,799
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	27,132	98,190	(8,291)	(15,695)	92,625	81,845
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	15,628	14,070	(3,742)	(2,805)	51,857	67,988
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	177,586	213,893	(214,121)	(213,907)	209,493	333,572
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	125,498	137,900	(59,714)	(18,781)	12,334	12,642
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	139,965	114,940	-	-	123,863	174,217
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	38,635	27,254	(450)	(1,026)	18,692	18,339
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	12,446	16,843	(9,288)	(17,240)	15,084	11,499
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	-	-	57,639	60,055	-	-	677,052	911,303
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	405,804	411,186	-	-	43,478	43,533
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỠC SÀI GÒN	-	-	47,071	70,857	(100,389)	(99,832)	776,463	499,574
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	33,745	77,974	18,671	28,152			-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Các khoản phải thu ngắn hạn						Hàng tồn kho	
		Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		Các khoản phải thu khác		Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		Hàng tồn kho	
		MS BCĐKT 134		MS BCĐKT 135		MS BCĐKT 139		MS BCĐKT 140	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	59,221	66,168	505,947	505,329	(58,488)	(49,178)	5,000,451	5,429,021
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	59,221	66,168	36,927	36,507			-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	700	103			-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	40,141	63,728	(3,246)	(3,246)	408,922	782,828
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	4,987	3,342			18,070	29,663
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	520	862		(176)	5,004	12,837
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	2,062	2,053	(639)	(639)	1,158	809
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	984	2,019	(324)	(266)	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	15,360	16,181	(270)	(290)	10,395	14,685
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	2,654	4,635	(393)	(228)	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	39,053	33,276	(276)	(276)	588,197	718,886
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	4,053	610	(817)	(817)	1,793,902	1,849,411
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	119,652	103,314	(20,000)	(20,000)	426,186	421,141
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	150	827	(673)	(673)	30,004	30,283
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	813	1,078	-	-	1,804	1,190
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	1,524	4,648			4,569	1,378
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	17	210	(16,304)	(10,279)	7,602	5,044
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	3,148	661	(339)	(254)	54,346	52,565
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	573	524	-	(1,025)	864	282
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	64				1,978	363
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	136	451	-	-	9,388	13,081
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	86,653	84,658	-2,592	0	427,933	383,591
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	976	781	-	-	4,783	24,175

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn							
		Trong đó							
		Các khoản phải thu ngắn hạn						Hàng tồn kho	
		Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		Các khoản phải thu khác		Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		Hàng tồn kho	
		MS BCĐKT 134		MS BCĐKT 135		MS BCĐKT 139		MS BCĐKT 140	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	6,166	4,416	(338)	(169)	185,512	168,884
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	872	4,554	(1,320)	(800)	1,866	4,384
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	11,430	217			1,738	2,322
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	340	416	-	-	15,954	11,545
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	2,258	2,207			30,877	44,453
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	724	681	(657)	(686)	380	907
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	89,661	108,071	-	-	12,051	2,580
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	4,341	4,621	(1,313)	(983)	11,029	16,995
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	10,050	586			21,843	15,608
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	4,055	5,821	-	-	879,984	770,435
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	10,548	10,022	(616)	-	3,770	3,779
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	24	374	(517)	(509)	90	331
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	4,331	2,875	(7,854)	(7,862)	40,252	44,587

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN									
		Tài sản ngắn hạn									
		Trong đó									
		Hàng tồn kho				Tài sản ngắn hạn khác					
		Hàng tồn kho		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		Tài sản ngắn hạn khác		Chi phí trả trước ngắn hạn		Thuế GTGT được khấu trừ	
		MS BCĐKT 141		MS BCĐKT 149		MS BCĐKT 150		MS BCĐKT 151		MS BCĐKT 152	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	9,983,600	10,320,211	(16,496)	(20,190)	1,012,316	1,032,601	76,158	70,158	279,833	341,289
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	4,982,734	4,890,817	(16,082)	(19,817)	475,717	547,833	67,671	61,985	252,032	314,811
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	497,360	493,861	(177)	-	18,991	21,262	626	974	15,154	18,368
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	727,070	812,667	-	-	59,839	71,074	35,532	35,405	23,276	34,464
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	427,777	330,729	-	-	23,889	33,239				1,754
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	330,664	254,085	-	(702)	66,859	42,622	3,319	2,590	52,918	32,128
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	796,990	671,049	-	-	25,615	20,974	1,293	3,681	15,419	14,820
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	168,612	156,714	(2,585)	(1,915)	44,142	14,972	512	0	6,645	9,970
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	93,345	82,613	(720)	(768)	2,293	13,585	267	1,618	2	5,936
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	51,857	68,399	-	(411)	23,684	19,659	971	672	100	100
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	215,687	333,759	(6,194)	(187)	80,920	117,716	3,739	5,127	68,764	105,961
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	12,334	12,642	-	-	37,711	79,543	15,350	11,095	15,073	24,263
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	123,863	174,217	-	-	8,294	7,588	809	30	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	24,907	24,554	(6,215)	(6,215)	577	1,217	-	-	-	411
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	15,084	11,546	-	(47)	5,508	11,970	17		2,193	1,197
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	677,052	911,303	-	-	5,760	6,850	4,528	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	43,478	43,533	-	-	15,993	13,312	57	15	12,876	8,761
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	776,654	509,146	(191)	(9,572)	55,103	71,258	388	240	39,612	56,512
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	539	992	263	538	-	166

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN									
		Tài sản ngắn hạn									
		Trong đó									
		Hàng tồn kho				Tài sản ngắn hạn khác					
		Hàng tồn kho		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		Tài sản ngắn hạn khác		Chi phí trả trước ngắn hạn		Thuế GTGT được khấu trừ	
		MS BCĐKT 141		MS BCĐKT 149		MS BCĐKT 150		MS BCĐKT 151		MS BCĐKT 152	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	5,000,866	5,429,394	(414)	(373)	536,599	484,768	8,487	8,173	27,801	26,478
18	Quỹ phát triển nhà ở TP			-	-	12,172	11,861	9		12,021	11,822
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa			-	-	123	23	-		-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	408,922	782,828	-	-	233,414	221,059	1,334	1,596	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	18,070	29,663	-	-	122	1,385	13	110	-	212
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	5,004	12,837	-	-	7,401	3,652	-		3,790	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	1,158	809	-	-	337	354	244	279	18	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	-	-	5,331	3,618	1,019	1,960	528	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	10,395	14,685	-	-	780	849	-	-	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài			-	-	1,914	1,830	-	-	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	588,197	718,886	-	-	11,521	10,674	-	-	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	1,793,902	1,849,411	-	-	38,708	28,714	-	-	5,720	6,031
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	426,186	421,141	-	-	23,128	15,732	-	-	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	30,004	30,283	-	-	2,649	2,986	-	-	-	222
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	1,804	1,190	-	-	360	1,149	20	895	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	4,569	1,378	-	-	19,214	9,421	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	7,602	5,044	-	-	78,262	63,151	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	54,346	52,565	-	-	551	257	41	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	864	282	-	-	11,188	23,098	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	1,978	363	-	-	1,062	222	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	9,388	13,081	-	-	3,376	5,834	-	-	-	346
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	427,933	383,591	-	-	16,595	14,402	-	-	5,543	2,617
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	4,783	24,175	-	-	6,030	1,493	-	66	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN									
		Tài sản ngắn hạn									
		Trong đó									
		Hàng tồn kho				Tài sản ngắn hạn khác					
		Hàng tồn kho		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		Tài sản ngắn hạn khác		Chi phí trả trước ngắn hạn		Thuế GTGT được khấu trừ	
		MS BCDKT 141		MS BCDKT 149		MS BCDKT 150		MS BCDKT 151		MS BCDKT 152	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	185,512	168,884	-	-	7,716	6,333	11	13	163	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	1,866	4,384	-	-	232	1,005	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	1,738	2,321	-	-	108	753	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	15,954	11,545	-	-	843	918	-	-	18	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	30,877	44,453	-	-	15,737	8,437	-	19	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	380	907	-	-	1,639	507	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	12,051	2,580	-	-	256	84	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	11,070	16,995	(41)	-	540	126	37	42	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	21,843	15,608	-	-	(1,469)	(1,319)	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	879,984	770,435	-	-	20,122	21,922	-	-	-	5,090
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	3,770	3,779	-	-	7,339	7,959	90	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	464	704	(373)	(373)	549	1,735	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	40,252	44,587	-	-	8,749	14,544	5,669	3,193	-	138

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn				Tài sản dài hạn			
		Trong đó				Tổng số	Trong đó		
		Tài sản ngắn hạn khác					Các khoản phải thu dài hạn		
		Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		Tài sản ngắn hạn khác			TÀI SẢN DÀI HẠN		Các khoản phải thu dài hạn
		MS BCĐKT 154		MS BCĐKT 158		MS BCĐKT 200		MS BCĐKT 210	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
			TỔNG CỘNG	151,376	110,609	504,949	510,545	46,649,948	45,496,509
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	78,555	81,090	77,459	89,947	39,756,743	38,891,657	3,871,537	4,343,855
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	90	3,211	1,830	520,390	498,964	4,608	4,647
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	505	639	526	566	1,643,073	1,768,823	76,495	77,460
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	3,167	12,914	20,722	18,571	2,303,099	1,974,017	102,663	60,339
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	2,701	-	7,921	7,904	6,232,148	5,876,458	143,073	161,683
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	6,564	-	2,339	2,473	1,980,981	1,570,018	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	35,635	3,027	1,350	1,975	1,097,201	1,062,563	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	1,575	1,436	449	4,595	1,401,492	1,377,370	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	1,331	801	21,282	18,086	358,455	359,620	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	981	365	7,436	6,263	3,630,022	3,523,148	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	4,605	41,347	2,683	2,838	5,243,483	5,142,491	42,934	84,531
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	3,593	1,637	3,892	5,921	1,685,351	1,923,499	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	108	148	469	658	528,803	529,261	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	2,356	2,386	942	8,387	182,449	190,252	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	-	294	1,232	6,556	800,126	781,049	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	1,978	2,940	1,082	1,596	4,049,229	3,819,253	36,067	36,067
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	13,456	13,066	1,647	1,440	331,200	330,565	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	276	288	7,769,241	8,164,305	3,465,697	3,919,128

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn				Tài sản dài hạn			
		Trong đó				Tổng số		Trong đó	
		Tài sản ngắn hạn khác						Các khoản phải thu dài hạn	
		Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		Tài sản ngắn hạn khác		TÀI SẢN DÀI HẠN		Các khoản phải thu dài hạn	
		MS BCĐKT 154		MS BCĐKT 158		MS BCĐKT 200		MS BCĐKT 210	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
			<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	72,821	29,519	427,490	420,598	6,893,205	6,604,852
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	56	3	86	36	877,846	763,440	544,198	431,001
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	103	13	20	10	64,168	72,183	27,223	34,968
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	2,398	518	229,682	218,945	393,960	387,105	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	53	1,063	56	-	43,099	50,764	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	254	-	3,357	3,652	1,386,627	1,241,428	2,166	2,672
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	75	75	-	-	112,067	118,514	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	294	1,307	3,490	351	170,053	192,455	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	679	748	101	101	12,345	11,209	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	461	148	1,453	1,682	96,182	98,150	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	11,521	10,674	92,898	164,849	0	0
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	10,822	-	22,166	22,683	309,867	169,558	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	2,640	2,852	20,488	12,880	143,135	148,131	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	2,649	2,764	32,883	37,354	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	289	120	51	134	641,106	634,313	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	9,182	219	10,032	9,202	5,907	7,112	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	38,785	8,264	39,477	54,887	152,672	178,526	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	4	164	506	93	108,048	105,232	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	11,188	23,098	25,739	27,076	2,666	2,666
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	1,062	222	56,061	56,162	27,473	27,444
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	3,376	5,488	20,478	19,035	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	11,052	11,785	35,581	20,628	660	1,834
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	375	1,132	5,655	295	123,959	131,391	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản ngắn hạn				Tài sản dài hạn			
		Trong đó				Tổng số	Trong đó		
		Tài sản ngắn hạn khác					Các khoản phải thu dài hạn		
		Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		Tài sản ngắn hạn khác		TÀI SẢN DÀI HẠN		Các khoản phải thu dài hạn	
		MS BCĐKT 154		MS BCĐKT 158		MS BCĐKT 200		MS BCĐKT 210	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	3,282	3,540	4,260	2,780	11,617	8,363	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	151	467	81	538	29,801	35,871	81	81
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	61	263	47	490	756	1,588	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	825	918	1,910	3,090	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	2,542	1,141	13,195	7,277	140,979	126,437	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	1,639	507	546,574	573,404	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	10	-	246	84	12,658	9,406	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	287	-	216	84	77,972	81,522	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	(1,469)	(1,319)	33,417	32,420	6,791	2,064
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	20,122	16,832	165,342	44,934	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	7,249	7,959	6,864	6,038	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	18	-	531	1,735	9,709	8,127	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	7,482	3,080	3,731	950,925	1,039,037	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN									
		Tài sản dài hạn									
		Trong đó									
		Các khoản phải thu dài hạn									
		Phải thu dài hạn của khách hàng		Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		Phải thu dài hạn nội bộ		Phải thu dài hạn khác		Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	
		MS BCĐKT 211		MS BCĐKT 212		MS BCĐKT 213		MS BCĐKT 218		MS BCĐKT 219	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	4,120,672	4,511,762	70	70	2,779	2,779	449,047	466,659	(89,773)	(134,685)
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	3,547,463	4,054,348	70	70	2,779	2,779	403,553	421,343	(82,328)	(134,685)
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	305	312			2,779	2,779	2,483	2,249	(959)	(693)
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	954	964	70	70	-	-	76,333	76,665	(862)	(239)
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	102,663	60,339	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	191	-	-	-	-	143,073	161,492	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	42,934	84,531	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	-	-	-	-	36,067	36,067	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	3,546,204	4,052,881	-	-	-	-	-	-	(80,507)	(133,753)

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN									
		Tài sản dài hạn									
		Trong đó									
		Các khoản phải thu dài hạn									
		Phải thu dài hạn của khách hàng		Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		Phải thu dài hạn nội bộ		Phải thu dài hạn khác		Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	
		MS BCĐKT 211		MS BCĐKT 212		MS BCĐKT 213		MS BCĐKT 218		MS BCĐKT 219	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	573,209	457,414	-	-	-	-	45,494	45,316	(7,445)	-
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	548,734	435,355	-	-	-	-	(4,536)	(4,354)	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-	34,668	34,968	(7,445)	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	-	-	-	-	2,166	2,672	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	-	-	-	-	2,666	2,666	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	17,684	19,995	-	-	-	-	9,789	7,449	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	0	0	-	-	-	-	660	1,834	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN									
		Tài sản dài hạn									
		Trong đó									
		Các khoản phải thu dài hạn									
		Phải thu dài hạn của khách hàng		Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		Phải thu dài hạn nội bộ		Phải thu dài hạn khác		Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	
		MS BCĐKT 211		MS BCĐKT 212		MS BCĐKT 213		MS BCĐKT 218		MS BCĐKT 219	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	-	-	-	-			-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	-	-	-	-	81	81	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	-	-			-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	-	-			-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	-	-	-	-			-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	6,791	2,064	-	-	-	-			-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định							
		Tài sản cố định hữu hình							
		Tài sản cố định		Tài sản cố định hữu hình		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế	
		MS BCDKT 220		MS BCDKT 221		MS BCDKT 222		MS BCDKT 223	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	18,226,045	17,272,322	9,361,762	8,011,729	19,527,319	16,397,784	(10,165,557)	(8,386,055)
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	14,038,083	13,025,001	7,120,072	5,595,960	15,264,054	12,403,720	(8,143,982)	(6,807,760)
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	32,588	37,958	32,296	37,957	82,714	87,852	(50,418)	(49,895)
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	50,596	121,960	1,859	2,052	10,466	10,704	(8,607)	(8,652)
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	1,085,590	821,085	663,586	192,517	798,351	294,886	(134,765)	(102,369)
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	5,068,178	4,700,343	3,607,365	2,537,681	8,705,546	6,644,809	(5,098,181)	(4,107,128)
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	855,457	589,118	136,205	152,220	457,601	458,882	(321,396)	(306,662)
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	363,614	705,756	309,567	333,103	714,904	710,639	(405,337)	(377,536)
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	397,532	386,793	139,657	137,248	342,467	322,494	(202,810)	(185,246)
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	171,087	159,181	83,748	72,368	154,781	138,122	(71,033)	(65,754)
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	1,261,884	1,183,467	542,112	514,159	851,320	766,153	(309,208)	(251,994)
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	1,597,910	1,555,311	1,095,135	1,179,691	2,324,585	2,279,215	(1,229,450)	(1,099,524)
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	302,644	297,612	21,491	22,441	48,385	48,695	(26,894)	(26,254)
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	210,373	190,278	36,702	16,766	64,201	41,301	(27,499)	(24,535)
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	44,317	45,225	12,080	12,969	20,989	20,879	(8,909)	(7,910)
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	156,775	129,477	113,604	106,109	171,829	147,980	(58,225)	(41,871)
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	2,187,661	1,844,581	164,982	165,947	221,923	212,505	(56,941)	(46,558)
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỠC SÀI GÒN	145,799	143,935	114,805	61,286	224,997	149,674	(110,192)	(88,388)
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	106,078	112,920	44,878	51,446	68,995	68,930	(24,117)	(17,484)

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định							
		Tài sản cố định		Tài sản cố định hữu hình					
				Tài sản cố định hữu hình		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế	
		MS BCĐKT 220		MS BCĐKT 221		MS BCĐKT 222		MS BCĐKT 223	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	4,187,962	4,247,321	2,241,690	2,415,769	4,263,265	3,994,064	(2,021,575)	(1,578,295)
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	25,073	25,080	23,491	24,293	33,369	33,261	(9,878)	(8,968)
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	36,945	37,215	3,204	3,474	3,955	4,109	(751)	(635)
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	242,699	231,848	47,550	53,172	103,347	102,905	(55,797)	(49,733)
21	Công ty TNHH MTV 27-7	41,936	49,601	41,936	46,273	101,520	100,384	(59,584)	(54,111)
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	1,379,986	1,233,843	731,593	720,601	777,558	756,122	(45,965)	(35,521)
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	85,520	90,883	85,520	90,883	103,952	102,846	(18,432)	(11,963)
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	129,833	150,872	122,967	150,287	266,016	271,150	(143,049)	(120,863)
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	2,372	2,453	1,866	1,115	3,351	3,099	(1,485)	(1,984)
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	86,501	86,375	2,642	3,784	44,963	44,438	(42,321)	(40,654)
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	51,762	127,439	15,056	15,312	30,573	28,757	(15,517)	(13,445)
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	19,139	27,534	18,117	26,499	76,970	76,939	(58,853)	(50,440)
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	101,030	101,111	16,553	16,634	27,573	26,180	(11,020)	(9,546)
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	9,363	12,728	8,883	12,248	33,858	35,810	(24,975)	(23,562)
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	641,106	634,313	41,119	39,997	82,142	75,465	(41,023)	(35,468)
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	5,907	7,112	5,907	7,112	56,524	56,232	(50,617)	(49,120)
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	137,332	161,289	127,888	152,927	322,659	325,481	(194,771)	(172,554)
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	31,434	28,287	28,852	23,929	66,251	58,243	(37,399)	(34,314)
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	3,770	4,883	3,568	4,562	17,345	17,345	(13,777)	(12,783)
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	7,100	7,019	5,397	5,655	11,397	11,552	(6,000)	(5,897)
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	10,617	9,538	7,788	8,243	21,050	20,447	(13,262)	(12,204)
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	27,386	12,700	5,826	7,728	31,777	30,563	(25,951)	(22,835)
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	29,903	37,161	28,916	31,653	56,210	57,318	(27,294)	(25,665)

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định							
		Tài sản cố định hữu hình							
		Tài sản cố định		Tài sản cố định hữu hình		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế	
		MS BCĐKT 220		MS BCĐKT 221		MS BCĐKT 222		MS BCĐKT 223	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	6,612	3,762	3,745	1,643	12,322	10,581	(8,577)	(8,938)
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	24,716	30,796	22,097	30,780	46,309	52,282	(24,212)	(21,502)
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	563	1,327	372	625	4,037	4,037	(3,665)	(3,412)
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	1,874	3,060	1,874	3,060	6,868	6,906	(4,994)	(3,846)
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	21,270	22,735	21,163	22,628	44,337	43,302	(23,174)	(20,674)
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	3,109	3,670	3,109	3,670	9,136	9,136	(6,027)	(5,466)
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	11,380	8,886	11,380	8,886	23,983	19,670	(12,603)	(10,784)
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	8,308	7,405	8,303	7,405	15,230	13,492	(6,927)	(6,087)
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	3,744	6,001	3,744	6,001	15,471	15,516	(11,727)	(9,515)
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	35,479	31,090	31,564	28,294	42,276	36,692	(10,712)	(8,398)
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	6,729	6,038	6,204	5,511	17,873	16,170	(11,669)	(10,659)
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	9,709	8,127	9,709	8,116	16,635	13,898	(6,926)	(5,782)
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	947,755	1,035,140	743,787	842,769	1,736,428	1,513,736	(992,641)	(670,967)

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định							
		Tài sản cố định thuê tài chính						Tài sản cố định vô hình	
		Tài sản cố định thuê tài chính		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế		Tài sản cố định vô hình	
		MS BCĐKT 224		MS BCĐKT 225		MS BCĐKT 226		MS BCĐKT 227	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	2,581	1,745	2,717	2,493	(136)	(748)	737,355	720,249
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	38	-	40	-	(2)	-	611,166	595,727
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	292	1
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	58	86,174
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	381	473
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	38	-	40	-	(2)	-	60,034	17,746
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	699	1,188
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	4,215	4,225
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	12,145	12,457
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	0	0
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	250,712	207,192
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	35,187	40,725
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	2,862	68
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	-	-	-	-	160,658	160,623
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	-	-	-	-	20,131	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	-	-	-	-	32	89
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	2,579	3,291
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	-	-	61,181	61,474

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định							
		Tài sản cố định thuê tài chính						Tài sản cố định vô hình	
		Tài sản cố định thuê tài chính		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế		Tài sản cố định vô hình	
		MS BCDKT 224		MS BCDKT 225		MS BCDKT 226		MS BCDKT 227	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	2,543	1,745	2,677	2,493	(134)	(748)	126,189	124,522
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	-	-	1,560	0
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-	33,741	33,741
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	-	-	-	-	71	0
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	-	-	0	0
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	-	-	-	-	247	285
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	0	0
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	-	-	-	-	0	29
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	-	-	-	-	0	0
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	-	-	40	194
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	-	-	-	-	0	0
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	-	-	-	-	1,022	1,035
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	-	-	-	-	84,477	84,477
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	-	-	635	153
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	-	-	-	-	2,502	2,642
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	-	-	-	-	70	89
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	-	-	-	-	1,364	1,364
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	-	-	-	-	0	0
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định							
		Tài sản cố định thuê tài chính						Tài sản cố định vô hình	
		Tài sản cố định thuê tài chính		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế		Tài sản cố định vô hình	
		MS BCĐKT 224		MS BCĐKT 225		MS BCĐKT 226		MS BCĐKT 227	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	2,543	1,745	2,677	2,493	(134)	(748)	324	324
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	-	-	-	-	4	16
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	-	-	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	-	-	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	-	-	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	-	-	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	-	-	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	-	-	-	-	-	9
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	-	-	-	-	132	164

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định						Bất động sản đầu tư	
		Tài sản cố định vô hình				Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế				MS BCĐKT 240	
		MS BCĐKT 228		MS BCĐKT 229		MS BCĐKT 230			
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	828,042	798,182	(90,687)	(77,933)	8,124,347	8,538,598	2,305,164	1,786,362
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	697,736	671,123	(86,570)	(75,396)	6,306,807	6,833,314	905,800	584,456
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	545	254	(253)	(253)			57,495	72,130
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	409	86,605	(351)	(431)	48,679	33,734	206,299	220,141
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	2,050	2,050	(1,669)	(1,577)	421,623	628,095	0	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	83,700	36,128	(23,666)	(18,382)	1,400,741	2,144,916		-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	5,659	5,639	(4,960)	(4,451)	718,553	435,710		-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	4,403	4,403	(188)	(178)	49,832	368,428	367,284	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	13,391	13,391	(1,246)	(934)	245,730	237,088	19,144	20,047
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	60	60	(60)	(60)	87,339	86,813	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	258,933	211,419	(8,221)	(4,227)	469,060	462,116	212,491	227,763
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	74,760	81,497	(39,573)	(40,771)	467,588	334,895	24,442	26,707
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	4,085	571	(1,223)	(503)	278,291	275,103	16,890	15,775
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	160,658	160,623	-	-	13,013	12,889	211	211
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	20,351	-	(220)	-	12,106	32,256	1,544	1,682
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	-	-	-	-	43,171	23,368	0	0
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	222	222	(190)	(133)	2,022,647	1,678,545	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	6,435	6,246	(3,856)	(2,955)	28,415	79,358		0
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	62,075	62,015	(894)	(541)	19	-		0

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định						Bất động sản đầu tư	
		Tài sản cố định vô hình				Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế				Bất động sản đầu tư	
		MS BCĐKT 228		MS BCĐKT 229		MS BCĐKT 230			
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	130,306	127,059	(4,117)	(2,537)	1,817,540	1,705,284	1,399,364	1,201,906
18	Quý phát triển nhà ở TP	1,671	-	(111)	-	22	787	-	-
19	Quý bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	33,741	33,760	-	(19)	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	610	-	(539)	-	195,078	178,676	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7		-	-	-	-	3,328	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	697	697	(450)	(412)	648,146	512,957	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương		-	-	-	-	-	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	379	379	(379)	(350)	6,866	556	31,571	33,704
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao		-	-	-	506	1,338	8,089	8,674
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	486	486	(446)	(292)	83,819	82,397	8,717	10,369
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	0	-	-	-	36,706	112,127	21,841	22,984
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	1,041	1,041	(19)	(6)	-	-	233,135	120,302
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	84,488	84,488	(11)	(11)	-	-	35,187	44,128
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	480	480	22,769	23,155
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	599,987	594,316	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	1,155	170	(520)	(17)	8,809	8,209	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	3,346	3,346	(844)	(704)	80	1,716	25,298	25,298
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	260	260	(190)	(171)	132	232	16,964	16,700
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	1,364	1,364	-	-	339	-	20,788	21,692
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	-	-	2,829	1,295	8,470	8,585
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	-	-	21,560	4,972	7,535	6,094
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	-	-	987	5,508	77,481	77,986

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Tài sản cố định						Bất động sản đầu tư	
		Tài sản cố định vô hình				Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế				Bất động sản đầu tư	
		MS BCĐKT 228		MS BCĐKT 229		MS BCĐKT 230			
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	607	607	(283)	(283)	-	50	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	36	36	(32)	(20)	2,615	-	4,945	4,994
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-		-	191	702	163	169
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	-	-	30	30
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	107	107	117,344	101,339
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	55	55	(55)	(55)	-	-	542,404	569,641
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	-	-	-	-	12	13
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	35	35	(35)	(35)	5	-	69,479	73,880
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	-	-	-		22,657	23,395
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	33	33	(33)	(24)	3,915	2,787	124,485	8,774
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	525	527	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	10	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	302	302	(170)	(138)	203,836	192,207	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Bất động sản đầu tư				Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế		Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		Đầu tư vào công ty con	
		MS BCĐKT 241		MS BCĐKT 242		MS BCĐKT 250		MS BCĐKT 251	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	2,893,018	2,325,902	(587,854)	(539,540)	20,826,648	20,645,255	9,186,833	9,300,433
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	1,235,173	876,331	(329,373)	(291,875)	20,587,306	20,408,727	9,183,397	9,296,997
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	58,087	72,686	(592)	(556)	424,224	380,116	99,589	149,474
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	261,744	263,408	(55,445)	(43,267)	1,291,523	1,329,790	500,797	523,973
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	-	-	1,097,111	1,090,521	771,510	795,238
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	-	-	-	1,018,375	1,011,626	775,196	813,462
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	1,064,133	920,010	570,915	558,915
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	367,284	-	-	-	313,225	300,442	145,808	145,808
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	22,907	22,907	(3,763)	(2,860)	977,022	958,361	811,031	808,407
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	178,265	172,949	89,230	84,130
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	346,665	351,679	(134,174)	(123,916)	2,108,136	2,053,537	790,206	691,712
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	92,147	92,147	(67,705)	(65,440)	3,495,786	3,422,904	1,004,062	990,062
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	80,577	67,742	(63,687)	(51,967)	1,363,471	1,607,287	408,503	487,134
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	2,318	2,318	(2,107)	(2,107)	306,272	305,205	127,033	127,033
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	3,444	3,444	(1,900)	(1,762)	135,366	141,700	36,433	36,433
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	-	-	-	-	622,367	632,098	38,934	35,874
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	-	-	1,820,530	1,773,015	828,291	891,925
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	-	-	-	-	180,268	181,141	78,750	82,891
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	4,191,232	4,128,025	2,107,109	2,074,526

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Bất động sản đầu tư				Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế		Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		Đầu tư vào công ty con	
		MS BCĐKT 241		MS BCĐKT 242		MS BCĐKT 250		MS BCĐKT 251	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	1,657,845	1,449,571	(258,481)	(247,665)	239,342	236,528	3,436	3,436
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	0	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	0	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	-	-	134,280	136,439	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	1,000	1,000	1,000	1,000
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	-	-	3,000	3,000	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	0	0	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	47,442	47,442	(15,871)	(13,738)	535	535	85	85
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	11,046	11,046	(2,957)	(2,372)	450	0	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	46,825	46,825	(38,108)	(36,456)	-	-	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	41,999	41,999	(20,158)	(19,015)	12,983	12,983	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	265,727	144,772	(32,592)	(24,470)	5,000	5,000	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	62,251	77,195	(27,064)	(33,067)	5,700	1,250	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	35,674	35,674	(12,905)	(12,519)	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	6,500	6,500	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	41,112	41,112	(15,814)	(15,814)	51,229	51,229	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	27,513	27,675	(10,549)	(10,975)	487	414	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	26,370	27,855	(5,582)	(6,163)	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	9,102	9,217	(632)	(632)	650	650	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	17,291	14,764	(9,756)	(8,670)	0	0	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	103,160	103,160	(25,679)	(25,174)	15,177	15,177	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Bất động sản đầu tư				Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
		Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế		Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		Đầu tư vào công ty con	
		MS BCDKT 241		MS BCDKT 242		MS BCDKT 250		MS BCDKT 251	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	133	133	(133)	(133)	-	-	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	8,089	8,306	(3,144)	(3,312)	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	269	278	(106)	(109)	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	30	30	-	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	128,027	107,230	(10,683)	(5,891)	2,351	2,351	2,351	2,351
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	551,125	580,560	(8,721)	(10,919)	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	28	29	(16)	(16)	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	72,245	76,730	(2,766)	(2,850)	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	34,714	35,880	(12,057)	(12,485)	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	127,408	11,394	(2,923)	(2,620)	-	-	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	265	265	(265)	(265)	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						Tài sản dài hạn khác	
		Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		Đầu tư dài hạn khác		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		Tài sản dài hạn khác	
		MS BCĐKT 252		MS BCĐKT 258		MS BCĐKT 259		MS BCĐKT 260	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	8,375,438	7,751,637	4,279,083	4,712,933	(1,014,706)	(1,119,748)	809,296	945,985
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	8,199,021	7,581,520	4,207,048	4,645,348	(1,002,160)	(1,115,138)	354,017	529,618
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	291,329	203,664	58,071	54,368	(24,765)	(27,390)	1,475	4,113
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	190,892	189,019	695,730	710,105	(95,896)	(93,307)	18,160	19,472
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	406,939	387,013			(81,338)	(91,730)	17,735	2,072
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	111,208	47,458	131,971	150,706	-	-	2,522	2,806
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	387,732	291,732	139,760	139,304	(34,274)	(69,941)	61,391	60,890
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	129,489	117,414	88,305	92,997	(50,377)	(55,777)	53,078	56,365
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	68,980	68,980	103,430	85,962	(6,419)	(4,988)	7,794	12,169
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	70,676	70,676	23,101	23,437	(4,742)	(5,294)	9,103	27,490
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	880,126	847,126	707,956	841,155	(270,152)	(326,456)	47,511	58,381
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	2,052,934	1,965,651	561,771	590,365	(122,981)	(123,174)	82,411	53,038
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	1,013,309	966,305	-	222,047	(58,341)	(68,199)	2,346	2,825
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	100,585	100,585	88,093	87,026	(9,439)	(9,439)	11,947	33,567
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	56,242	57,172	45,142	50,955	(2,451)	(2,860)	1,222	1,645
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	265,183	269,683	408,024	429,780	(89,774)	(103,239)	20,984	19,474
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	832,474	724,779	183,633	189,960	(23,868)	(33,649)	4,971	165,590
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	92,038	88,790	15,439	15,439	(5,959)	(5,979)	5,133	5,489
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	1,248,885	1,185,473	956,622	961,742	(121,384)	(93,716)	6,234	4,232

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						Tài sản dài hạn khác	
		Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		Đầu tư dài hạn khác		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		Tài sản dài hạn khác	
		MS BCĐKT 252		MS BCĐKT 258		MS BCĐKT 259		MS BCĐKT 260	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	176,417	170,117	72,035	67,585	(12,546)	(4,610)	455,279	416,367
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	-	-	308,575	307,359
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	110,555	104,705	36,008	36,008	(12,283)	(4,274)	16,981	18,818
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	-	-	163	163
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	3,000	3,000	-	-	1,475	1,913
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	26,547	27,631
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	450	450	-	-	-	-	8,114	7,344
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	450	-	-	-	-	-	1,434	82
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	-	-	964	1,406
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	12,983	12,983	-	-	-	-	6,312	1,443
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	5,000	5,000	-	-	52,593	16,722
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	5,700	1,250	-	-	1,218	1,642
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	-	-	751	1,471
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	6,500	6,500	-	-	8,840	10,737
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	51,229	51,229	-	-	-	-	87	418
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	750	750	-	-	(263)	(336)	1,852	2,413
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	-	-	-	-	700	7
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	650	650	-	-	741	262
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	-	0	-	-	0	0
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	15,177	15,177	-	-	1,398	1,067

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN							
		Tài sản dài hạn							
		Trong đó							
		Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						Tài sản dài hạn khác	
		Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		Đầu tư dài hạn khác		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		Tài sản dài hạn khác	
		MS BCĐKT 252		MS BCĐKT 258		MS BCĐKT 259		MS BCĐKT 260	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	-	-	-	-	5,005	4,601
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	-	-	-	-	59	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	-	-	30	92
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	-	-	6	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	-	-	14	12
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	-	-	-	-	1,061	93
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	-	-	-	-	1,266	507
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	-	-	-	-	185	237
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	-	-	-	-	225	960
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	-	-	-	-	5,378	5,070
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	135	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	-	-	-	-	3,170	3,897

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN					
		Tài sản dài hạn					
		Trong đó					
		Tài sản dài hạn khác					
		Chi phí trả trước dài hạn		Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		Tài sản dài hạn khác	
		MS BCĐKT 261		MS BCĐKT 262		MS BCĐKT 268	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	405,039	581,834	69,554	34,087	334,703	330,064
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	331,265	508,995	11,698	12,693	11,054	7,930
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	1,475	4,113	-	-	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	16,800	17,344	1,213	1,981	147	147
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	17,038	1,375	-	-	697	697
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	87	371	2,435	2,435	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	61,372	60,871	-	-	19	19
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	53,008	56,300	-	-	70	65
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	5,872	9,472	1,922	2,697	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	9,076	27,463	-	-	27	27
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	42,986	55,042	1,517	1,740	3,008	1,599
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	79,594	50,995	2,744	1,965	73	78
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	82	708	1,867	1,867	397	250
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	11,947	33,567	-	-	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	1,222	1,645	-	-	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	20,896	19,386	-	-	88	88
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	4,668	164,494	-	8	303	1,088
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	5,100	5,456	-	-	33	33
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	42	393	-	-	6,192	3,839

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN					
		Tài sản dài hạn					
		Trong đó					
		Tài sản dài hạn khác					
		Chi phí trả trước dài hạn		Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		Tài sản dài hạn khác	
		MS BCĐKT 261		MS BCĐKT 262		MS BCĐKT 268	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	73,774	72,839	57,856	21,394	323,649	322,134
		-	-	-	-	308,575	307,359
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	14,475	16,312	2,174	2,174	332	332
21	Công ty TNHH MTV 27-7	163	163	-	-	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	1,475	1,787	-	126	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	26,512	27,596	35	35	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	2,114	1,344	-	-	6,000	6,000
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	1,434	82	-	-	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	664	1,106	-	-	300	300
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	5,437	568	875	875	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	52,593	16,722	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	1,215	1,639	-	-	3	3
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	721	1,441	-	-	30	30
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	8,840	10,737	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	64	395	23	23	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	1,852	2,413	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	694	-	-	-	6	7
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	741	262	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	-	-	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	1,398	1,067	-	-	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG TÀI SẢN					
		Tài sản dài hạn					
		Trong đó					
		Tài sản dài hạn khác					
		Chi phí trả trước dài hạn		Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		Tài sản dài hạn khác	
		MS BCDKT 261		MS BCDKT 262		MS BCDKT 268	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	267	2,021	1,439	2,984	2,895
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	59	-	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	30	92	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	6	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	14	12	-	-	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	1,061	93	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	1,205	330	-	-	61	177
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	185	237	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	225	960	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	20	39	-	-	5,358	5,031
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	135	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	3,170	3,897	-	-	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Tổng số		Nợ phải trả					
				Tổng số		Trong đó			
						Nợ ngắn hạn		Vay và nợ ngắn hạn	
		MS BCĐKT 440		MS BCĐKT 300		MS BCĐKT 310		MS BCĐKT 311	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	83,214,679	79,782,980	27,382,148	27,698,022	15,394,930	14,551,774	1,713,253	2,128,969
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	66,390,919	62,703,161	18,591,470	18,512,466	9,562,041	8,701,148	1,463,677	1,874,586
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	1,602,979	1,732,534	295,992	523,219	231,837	382,224	2,747	14,170
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	3,908,083	3,654,062	586,527	562,225	267,032	244,871		1,204
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	3,493,575	2,798,614	1,634,280	1,218,414	765,059	588,165	316,966	320,727
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	7,577,310	7,144,375	2,357,377	2,454,995	512,190	419,441		
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	3,812,462	4,031,989	1,479,368	1,684,136	1,286,960	1,475,312	634,895	716,879
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	1,661,751	1,574,986	682,428	624,211	619,820	579,937	195,282	162,961
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	2,396,261	2,475,878	526,256	626,393	520,876	623,883	32,133	184,041
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	694,049	660,061	196,797	215,677	176,468	172,928	78,554	82,694
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	10,909,111	9,846,038	2,862,683	2,441,277	2,136,898	1,671,831	88,076	191,100
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	7,587,381	7,277,219	956,907	911,927	751,114	726,028	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	2,494,594	2,458,763	512,077	462,570	150,743	208,870	39,267	82,360
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	666,304	620,329	253,423	227,446	73,791	47,900	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	268,491	280,220	60,495	76,627	23,370	26,068		
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	1,749,296	1,804,972	113,582	146,549	92,377	98,343	11,289	1,300
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	4,950,811	4,677,532	369,128	1,191,837	302,704	110,344	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	1,999,890	1,685,276	1,490,552	1,168,696	1,488,532	1,152,928	64,468	117,150
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	10,618,571	9,980,313	4,213,598	3,976,267	162,270	172,075		

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Tổng số		Nợ phải trả					
				Tổng số		Trong đó			
						Nợ ngắn hạn		Vay và nợ ngắn hạn	
		MS BCDKT 440		MS BCDKT 300		MS BCDKT 310		MS BCDKT 311	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	16,823,760	17,079,819	8,790,678	9,185,556	5,832,889	5,850,626	249,576	254,383
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	1,081,587	985,035	183,648	197,984	184,504	181,697		
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	299,712	299,479	22,001	22,534	22,001	22,534		
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	1,340,088	2,003,769	826,992	1,510,136	547,644	579,451	600	0
21	Công ty TNHH MTV 27-7	82,360	89,058	35,841	45,306	30,789	28,624	21,953	14,976
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	1,471,867	1,356,749	104,113	97,874	93,182	78,457	600	600
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	120,761	129,944	112,607	114,245	61,321	63,347	10,120	8,570
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	249,131	269,354	50,107	82,678	31,406	61,289	4,900	6,200
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	372,511	266,436	359,049	226,167	236,850	160,900		
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	431,630	441,269	139,858	133,242	82,047	78,259		
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	957,095	1,139,456	760,754	900,684	488,241	661,118		
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	2,227,704	2,096,697	1,942,371	1,835,092	1,473,008	1,429,474	11,993	140,597
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	771,647	763,652	587,847	584,419	245,755	245,490	40,000	36,000
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	127,317	123,542	32,926	35,219	29,196	31,563		
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	677,777	704,290	60,802	47,771	60,782	47,713	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	161,117	226,210	108,533	173,626	108,429	172,064		
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	563,254	591,207	212,152	244,374	218,331	251,053		
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	275,251	259,807	73,303	63,914	63,569	55,787		
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	144,717	169,169	62,351	96,230	47,408	86,354	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	119,161	119,207	33,539	36,292	23,906	25,801		
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	124,266	95,891	72,085	50,357	67,868	49,074	8,679	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	660,440	597,713	610,521	547,318	159,508	136,866	41,035	6,992
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	196,630	241,977	63,578	98,059	47,391	82,356	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Tổng số		Nợ phải trả					
				Tổng số		Trong đó			
						Nợ ngắn hạn		Vay và nợ ngắn hạn	
		MS BCĐKT 440		MS BCĐKT 300		MS BCĐKT 310		MS BCĐKT 311	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	241,489	219,932	226,584	205,687	168,141	142,409	9,332	427
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	81,700	77,535	40,746	33,400	37,467	29,918	3,906	4,288
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	53,669	43,589	54,750	32,102	54,458	31,452		
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	45,421	36,613	33,241	25,014	31,913	23,628	4,360	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	364,075	344,936	282,517	269,118	173,660	160,695		
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	626,063	656,050	15,930	27,813	12,217	26,873	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	144,129	135,110	130,507	114,582	128,107	114,582	11,798	5,733
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	123,222	128,365	43,179	47,381	38,495	41,751	4,000	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	137,930	124,622	76,757	57,898	73,265	53,271		
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	1,106,919	877,017	963,857	849,322	375,772	392,795	32,738	30,000
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	74,703	68,980	36,169	34,430	36,169	34,430		-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	48,425	48,755	14,374	19,166	14,113	19,081		-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	1,319,992	1,348,405	417,089	326,122	365,976	250,470	43,562	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Trong đó				Phải trả người bán		Người mua trả tiền trước	
		Vay trong nước		Vay nước ngoài		MS BCDKT 312		MS BCDKT 313	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	-	-	-	-	3,654,696	3,123,271	1,388,316	1,510,284
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	-	-	-	-	2,538,459	2,228,399	168,709	174,401
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	56,148	236,930	7,486	17,694
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	6,840	9,617	3,267	3,288
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	-	-	187,215	97,190	63,483	51,026
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	-	-	-	222,884	187,626	2,125	302
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	245,993	220,840	323	169
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	-	-	62,977	36,681	2,914	3,647
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	32,133	184,041	-	-	24,805	58,579	2,638	1,570
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	17,451	10,565	508	1,448
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	275,927	271,494	9,271	15,693
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	43,391	46,004	21,177	24,796
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	39,267	82,360	-	-	1,754	4,645	15,358	19,996
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	-	-	8,428	7,941	5,473	11,191
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	-	-	3,585	10,313	3,076	3,452
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	11,289	1,300	-	-	2,629	1,318	16,392	6,036
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	-	-	7,915	17,132	17	90
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	-	-	-	-	1,370,407	1,011,010	14,052	14,003
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	110	514	1,149	

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Trong đó				Phải trả người bán		Người mua trả tiền trước	
		Vay trong nước		Vay nước ngoài		MS BCDKT 312		MS BCDKT 313	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	-	-	-	-	1,116,237	894,872	1,219,607	1,335,883
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	41,939	41,448	23,844	16,062
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	216		142	142
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	-	-	403,801	403,676	872	2,226
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	2,070	4,901	0	1,177
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	600	600	-	-	20,437	24,342	6,251	9,834
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	3,966	1,470	240	74
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	-	-	8,404	3,104	10	38
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	-	-	87,774	54,229	22,334	3,917
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	1,037	549	53	906
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	-	-	2,223	8,175	28,733	158,798
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	-	-	24,582	17,944	858,093	791,324
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	-	-	25,228	14,865	38,016	45,573
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	288	71	387	8,185
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	5,625	4,174	-	30
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	10,028	13,691	1,756	4,373
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	7,321	1,369	18,764	14,629
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	-	-	10,235	6,348	1,063	1,387
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	-	-	25,968	44,895	776	4,927
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	-	-	948	89	8,021	5,694
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	8,679	-	-	-	33,416	21,889	7,702	6,658
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	41,035	6,992	-	-	1,638	1,805	51,707	53,109
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	-	-	97	165	2,163	23,036

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Trong đó				Phải trả người bán		Người mua trả tiền trước	
		Vay trong nước		Vay nước ngoài		MS BCĐKT 312		MS BCĐKT 313	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	9,332	427	-	-	39,714	77,329	64,290	12,045
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	-	-	1,766	1,109	400	1,730
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	3,928	6,109	17	5
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	20,225	18,660	118	451
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	111,747	36,108	29,781	97,602
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	-	-	3,400	3,327	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	11,798	5,733	-	-	16,749	5,741	1,597	602
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	4,000	-	-	-	1,624	2,523	41	1,549
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	-	-	18,766	15,306	194	1,269
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	32,738	30,000	-	-	11,055	7,134	44,732	58,215
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	626	2,187	2,094	3,684
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	1,082	1,884	265	300
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	-	-	168,314	48,256	5,151	6,332

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Phải trả người lao động		Chi phí phải trả		Phải trả nội bộ	
		MS BCDKT 314		MS BCDKT 315		MS BCDKT 316		MS BCDKT 317	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	2,326,825	1,848,517	1,241,578	1,175,151	830,176	745,557	-	-
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	1,953,361	1,518,907	688,152	580,417	177,710	143,362	-	-
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	67,326	53,494	6,525	5,175	35,415	447	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	25,775	19,257	9,611	9,408	3,698	6,070	-	-
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	13,500	35,333	78,319	20,018	16,698	25,789	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	110,313	90,242	35,347	61,164	162	86	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	267,255	307,147	31,686	59,353	19,445	2,504	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	7,577	15,580	8,351	15,513	3,028	2,211	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	4,226	18,566	20,457	13,657	10,463	12,268	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	5,181	3,942	3,673	3,654	-	-	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	1,247,560	782,427	214,118	188,277	9,376	8,098	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	156,381	96,718	140,707	137,978	4,267	12,261	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	750	24,681	12,993	19,508	33,296	33,390	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	10,340	7,601	5,327	(2,820)	-	-	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	8,019	52	3,163	1,909	114	-	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	628	38,661	10,858	6,215	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	630	167	77,163	21,530	32,812	33,942	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỠC SÀI GÒN	134	287	11,285	1,345	8,824	6,296	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	27,766	24,752	18,569	18,533	112	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Phải trả người lao động		Chi phí phải trả		Phải trả nội bộ	
		MS BCDKT 314		MS BCDKT 315		MS BCDKT 316		MS BCDKT 317	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	373,464	329,610	553,426	594,734	652,466	602,195	-	-
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	999	476	1,904	930	-	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	46	642	1,406	1,870	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	17,611	41,738	24,349	21,114	54,791	53,077	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	6,200	7,069	243		114	75	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	54,720	32,340	6,497	5,984	-	-	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	21,650	21,709	721	724	5,935	10,723	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	3,681	4,164	7,964	5,934	186	457	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	6,993	3,300	2,390	1,350	104,477	85,203	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	1,465	2,925	7,760	12,322	19,280	10,037	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	14,665	24,147	6,709	8,072	346,937	328,379	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	62,045	54,797	48,647	48,182	-	-	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	19,701	13,194	9,045	26,918	101,654	97,485	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	4,098	2,619	7,831	5,227	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	8,872	8,139	43,840	32,128	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	445	8,160	52,647	33,764	60	86	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	63,055	39,741	60,725	71,198	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	6,519	12,216	16,551	4,733	787	1,463	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	10,149	10,464	10,806	20,885	23	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	1,227	1,366	3,763	8,951	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	2,077	387	7,053	9,953	-	161	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	4,390	5,407	34,300	33,176	987	0	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	699	2,441	2,150	4,454	-	-	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Phải trả người lao động		Chi phí phải trả		Phải trả nội bộ	
		MS BCDKT 314		MS BCDKT 315		MS BCDKT 316		MS BCDKT 317	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	213	842	1,928	2,223	-	15	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	3,831	2,024	10,461	13,560	6		-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	2,235	330	8,734	5,961	-	822	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	1,509	685	4,031	2,660	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	8,269	1,775	19,998	16,844	-	-	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	1,672	6,102	1,972	7,766	43	33	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	3,619	2,034	2,507	1,259	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	4,167	3,138	6,141	11,640	52	995	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	6,847	3,015	7,634	7,799	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	9,178	6,246	6,194	5,724	7,275	5,328	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	1,939	688	5,506	5,400	9,859	7,856	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	2,232	2,780	8,932	12,570	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	16,446	2,510	112,087	143,459	-	-	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		Dự phòng phải trả ngắn hạn		Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
		MS BCĐKT 318		MS BCĐKT 319		MS BCĐKT 320		MS BCĐKT 323	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	26,085	25,452	3,380,669	3,265,385	(5,502)	(1,266)	838,834	730,455
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	26,085	25,452	1,827,327	1,547,059	-	-	718,561	608,565
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	50,658	44,903	-	-	5,532	9,411
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	202,917	186,910	-	-	14,924	9,117
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	5,440	2,100	-	-	83,438	35,982
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	-	102,847	61,967	-	-	38,512	18,054
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	40,152	124,156	-	-	47,211	44,264
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	288,724	287,429	-	-	50,967	55,915
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	420,204	327,160	-	-	5,950	8,042
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	69,696	66,292	-	-	1,405	4,333
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	122,070	72,642	-	-	170,500	142,100
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	117,706	141,667	-	-	267,485	266,604
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	39,791	17,613	-	-	7,534	6,677
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	38,159	28,970	-	-	6,064	(4,983)
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	839	8,057	-	-	4,574	2,285
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	-	-	47,124	45,371	-	-	3,457	(558)
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	180,238	28,236	-	-	3,929	9,247
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	-	-	19,362	2,837	-	-		
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	26,085	25,452	81,400	100,749	-	-	7,079	2,075

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		Dự phòng phải trả ngắn hạn		Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
		MS BCĐKT 318		MS BCĐKT 319		MS BCĐKT 320		MS BCĐKT 323	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	-	-	1,553,342	1,718,326	(5,502)	(1,266)	120,273	121,890
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	114,825	121,919	-	-	993	862
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	20,090	19,537	-	-	101	343
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	41,630	48,514	-	-	3,990	9,106
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	452	0	-	-	(243)	426
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	4,804	4,471	2,592	2,250	(2,719)	(1,364)
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	18,689	20,077	-	-		
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	1,663	36,316	-	-	4,598	5,076
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	10,231	16,724	-	-	2,651	(3,823)
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	37,176	47,255	-	-	15,276	4,265
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	97,973	121,617	-	-	(8,999)	11,930
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	454,709	370,597	-	-	12,939	6,033
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	11,823	11,219	-	-	288	236
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	12,422	12,531	-	-	4,170	2,930
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	2,040	2,837	-	-	405	405
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	27,942	82,427	-	-	15,551	29,563
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	54,184	105,512	-	-	14,282	18,604
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	32,102	31,730	-	-	(3,688)	(2,090)
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	4,528	-	-	-	(4,842)	5,183
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	31	19	-	-	9,916	9,682
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	17,035	13,542	(8,094)	(3,516)	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	11,408	23,548	-	-	14,043	12,829
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	30,739	51,137	-	-	11,543	1,123

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ ngắn hạn							
		Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		Dự phòng phải trả ngắn hạn		Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
		MS BCĐKT 318		MS BCĐKT 319		MS BCĐKT 320		MS BCĐKT 323	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	50,304	47,578	-	-	2,360	1,950
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	13,685	7,207	-	-	3,412	
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	34,164	16,771	-	-	5,380	1,454
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	1,077	2,008	-	-	593	(836)
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	2,553	2,448	-	-	1,312	5,918
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	3,898	4,150	-	-	1,232	5,495
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	89,452	99,213	-	-	2,385	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	19,880	18,298	-	-	2,590	3,608
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	39,857	34,057	-	-	(33)	(8,175)
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	268,895	283,348	-	-	(4,295)	(3,200)
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	16,145	14,615	-	-		
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	47	21	-	-	1,555	1,527
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	6,889	47,083	-	-	13,527	2,830

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Nợ dài hạn		Phải trả dài hạn người bán		Phải trả dài hạn nội bộ		Phải trả dài hạn khác	
		MS BCĐKT 330		MS BCĐKT 331		MS BCĐKT 332		MS BCĐKT 333	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	11,987,218	13,146,248	232,534	228,551	-	-	4,049,191	4,473,924
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	9,029,429	9,811,318	127,181	122,522	-	-	2,762,318	2,547,443
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	64,155	140,995	938	938	-	-	15,243	14,652
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	319,495	317,354	-	-	-	-	284,855	263,052
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	869,221	630,249	-	-	-	-	516,904	399,378
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	1,845,187	2,035,554	126,243	121,584	-	-	707,555	739,644
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	192,408	208,824	-	-	-	-		2,255
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	62,608	44,274	-	-	-	-	374	384
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	5,380	2,510	-	-	-	-	3,314	2,239
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	20,329	42,749	-	-	-	-	5,970	38,456
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	725,785	769,446	-	-	-	-	68,663	127,619
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	205,793	185,899	-	-	-	-	164,261	158,111
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	361,334	253,700	-	-	-	-	310,608	219,542
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	179,632	179,546	-	-	-	-	148,152	148,097
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	37,125	50,559	-	-	-	-	35,045	50,371
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	21,205	48,206	-	-	-	-	0	0
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	66,424	1,081,493	-	-	-	-	15,267	11,452
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	2,020	15,768	-	-	-	-	1,420	0
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	4,051,328	3,804,192	-	-	-	-	484,687	372,191

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Nợ dài hạn		Phải trả dài hạn người bán		Phải trả dài hạn nội bộ		Phải trả dài hạn khác	
		MS BCĐKT 330		MS BCĐKT 331		MS BCĐKT 332		MS BCĐKT 333	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	2,957,789	3,334,930	105,353	106,029	-	-	1,286,873	1,926,481
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	(856)	16,287	-	-	-	-	(856)	16,287
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	0	-	-	-	-	-		
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	279,348	930,685	-	-	-	-	268,487	918,324
21	Công ty TNHH MTV 27-7	5,052	16,682	-	-	-	-	5,052	5,102
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	10,931	19,417	200	426	-	-	2,202	4,800
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	51,286	50,898	-	-	-	-	20	20
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	18,701	21,389	-	-	-	-	10,383	9,213
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	122,199	65,267	-	-	-	-	31,866	31,747
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	57,811	54,983	-	-	-	-	52,221	49,939
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	272,513	239,566	-	-	-	-	208,314	143,577
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	469,363	405,618	-	-	-	-	16,754	20,750
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	342,092	338,929	-	-	-	-	243,775	308,615
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	3,730	3,656	-	-	-	-	3,647	3,656
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	20	58	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	104	1,562	-	-	-	-	81	1,543
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	(6,179)	(6,679)	-	-	-	-		
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	9,734	8,127	-	-	-	-	622	657
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	14,943	9,876	-	-	-	-	12,614	8,067
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	9,633	10,491	81	531	-	-	7,516	7,763
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	4,217	1,283	-	-	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	451,013	410,452	0	0	-	-	409,958	382,707
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	16,187	15,703	-	-	-	-	10,257	10,523

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Nợ dài hạn		Phải trả dài hạn người bán		Phải trả dài hạn nội bộ		Phải trả dài hạn khác	
		MS BCĐKT 330		MS BCĐKT 331		MS BCĐKT 332		MS BCĐKT 333	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	58,443	63,278	-	-	-	-	111	211
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	3,279	3,482	-	-	-	-	1,779	1,282
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	292	650	-	-	-	-		
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	1,328	1,386	-	-	-	-	226	226
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	108,857	108,423	105,072	105,072	-	-		
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	3,713	940	-	-	-	-	1,098	940
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	2,400	-	-	-	-	-		
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	4,684	5,630	-	-	-	-	706	485
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	3,492	4,627	-	-	-	-	25	25
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	588,085	456,527	-	-	-	-	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-		
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	261	85	-	-	-	-	15	22
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	51,113	75,652	-	-	-	-	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Vay và nợ dài hạn		Trong đó				Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
		MS BCDKT 334		Vay trong nước		Vay nước ngoài		MS BCDKT 335	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	6,072,713	5,901,792	67,651	47,945	0	0	0	553
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	5,088,810	5,102,106	67,651	47,945	-	-	-	-
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	47,495	109,101	-	-	-	-	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	33,253	32,560	-	-	-	-	-	-
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	147,414	68,435	-	-	-	-	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	1,007,789	1,170,726	-	-	-	-	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	69,337	89,245	-	-	-	-	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	51,302	35,533	-	-	-	-	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	271	271	-	-	-	-	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	9,652		-	-	-	-	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	105,518	100,521	-	-	-	-	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	44,947	26,856	44,947	26,856	-	-	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	1,064	1,064	1,064	1,064	-	-	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN		-	-	-	-	-	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	0	-	-	-	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	21,640	20,025	21,640	20,025	-	-	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN		15,768	-	-	-	-	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	3,549,128	3,432,001	-	-	-	-	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Vay và nợ dài hạn		Trong đó				Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
		MS BCĐKT 334		Vay trong nước		Vay nước ngoài		MS BCĐKT 335	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	983,903	799,686	-	-	-	-	-	553
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	10,761	12,261	-	-	-	-	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7		11,500	-	-	-	-	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	5,400	5,090	-	-	-	-	-	-
23	Công ty CBTPKK Hùng Vương	51,266	50,878	-	-	-	-	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	6,297	11,197	-	-	-	-	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	89,538	33,420	89,538	33,420	-	-	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	392,187	324,429	-	-	-	-	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	11,813	11,813	-	-	-	-	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	1,836	2,097	-	-	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	28,110	26,389	28,110	26,389	-	-	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10		-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Vay và nợ dài hạn		Trong đó				Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
		MS BCDKT 334		Vay trong nước		Vay nước ngoài		MS BCDKT 335	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	736	320	-	-	-	-	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	1,500	2,200	-	-	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	-	-	-	553
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	-	-	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	2,400	-	2,400	-	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	1,059	2,000	1,059	2,000	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	3,187	4,462	-	-	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	359,766	275,624	359,766	275,624	-	-	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	18,047	26,006	-	-	-	-	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Dự phòng trợ cấp mất việc làm		Dự phòng phải trả dài hạn		Doanh thu chưa thực hiện		Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
		MS BCĐKT 336		MS BCĐKT 337		MS BCĐKT 338		MS BCĐKT 339	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	0	0	524	1,021,624	1,400,922	1,324,131	231,334	195,673
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	-	-	-	1,020,851	833,634	827,228	217,486	191,168
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	16,304	479	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	21,642	1,387	100
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	-	-	192,778	160,743	12,125	1,693
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	-	-	-			3,600	3,600
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-			123,071	117,324
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	-	-			10,932	8,357
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-			1,795	
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	3,707	3,793	1,000	500
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	540,875	530,577	10,729	10,729
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	31,832	27,788	9,700	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	-	-	5,779	7,302	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	-	-	29,604	30,045	812	340
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	-	-	-	-	2,080	188
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	21,205	48,206
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	-	1,020,851	29,059	29,034	458	131
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỠC SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	600	0
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	-	-	17,513	

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Dự phòng trợ cấp mất việc làm		Dự phòng phải trả dài hạn		Doanh thu chưa thực hiện		Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
		MS BCĐKT 336		MS BCĐKT 337		MS BCĐKT 338		MS BCĐKT 339	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	-	-	524	773	567,288	496,903	13,848	4,505
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	-	-	-	-	100	100
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	-	80		
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	-	-	2,893	8,955	236	146
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	-	-	-	-	2,021	979
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	-	-	695	-	100	100
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	5,590	5,044	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	-	-	64,199	95,989	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	-	-	60,422	60,439	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	-	-	86,288	18,501	216	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	83	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	20	58
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	23	19	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	(6,679)	(6,679)	500	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	-	-	8,872	7,470	240	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	-	-	825	958	1,504	851
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	-	-			200	100
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	-	-	3,767	1,033	450	250
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	-	-	11,848	1,356	1,097	0
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	-	-	5,619	5,083	311	97

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Nợ phải trả							
		Trong đó							
		Nợ dài hạn							
		Dự phòng trợ cấp mất việc làm		Dự phòng phải trả dài hạn		Doanh thu chưa thực hiện		Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
		MS BCĐKT 336		MS BCĐKT 337		MS BCĐKT 338		MS BCĐKT 339	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	-	-	57,425	62,663	171	84
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	-	-	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	185	600	107	50
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	524	773	-	-	578	387
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình				-	3,327	2,798	458	
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	-	-	2,615	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12				-		-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	-	-	2,919	3,145	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh				-	-	-	280	140
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	-	-	228,319	180,903	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	63	246	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	-	-	28,053	48,483	5,013	1,163

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Tổng số		Trong đó					
				Tổng số		Vốn chủ sở hữu			
				Vốn chủ sở hữu		Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	
		MS BCDKT 400		MS BCDKT 410		MS BCDKT 411		MS BCDKT 412	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	55,832,531	52,084,958	53,796,501	50,037,804	42,121,240	40,210,797	22,460	22,460
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	47,799,449	44,190,695	47,707,142	44,173,506	38,030,334	36,311,837	-	-
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	1,306,987	1,209,315	1,306,987	1,209,315	1,083,030	1,083,030	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	3,321,556	3,091,837	3,321,408	3,091,689	2,775,722	2,775,722	-	-
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	1,859,295	1,580,200	1,859,295	1,580,200	1,453,932	1,371,008	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	5,219,933	4,689,380	5,166,945	4,688,284	4,788,801	4,117,952	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	2,333,094	2,347,853	2,294,168	2,332,153	1,122,547	1,122,547	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	979,323	950,775	979,323	950,775	809,776	809,776	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	1,870,005	1,849,485	1,870,005	1,849,485	1,586,918	1,583,854	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	497,252	444,384	497,252	444,384	383,487	383,487	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	8,046,428	7,404,761	8,046,428	7,404,761	6,107,152	6,107,152	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	6,630,474	6,365,292	6,630,474	6,365,292	5,713,913	5,268,046	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	1,982,517	1,996,193	1,982,517	1,996,193	1,707,188	1,707,188	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	412,881	392,883	412,636	392,638	398,369	378,750	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	207,996	203,593	207,996	203,593	181,396	190,736	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	1,635,714	1,658,423	1,635,714	1,658,423	1,233,050	978,182	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	4,581,683	3,485,695	4,581,683	3,485,695	2,926,404	2,905,184	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	509,338	516,580	509,338	516,580	480,651	480,651	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	6,404,973	6,004,046	6,404,973	6,004,046	5,277,998	5,048,572	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Tổng số		Tổng số		Vốn chủ sở hữu			
						Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	
		MS BCĐKT 400		MS BCĐKT 410		MS BCĐKT 411		MS BCĐKT 412	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	8,033,082	7,894,263	6,089,359	5,864,298	4,090,906	3,898,960	22,460	22,460
	Quỹ phát triển nhà ở TP	897,939	787,051	897,939	787,051	769,254	669,254	-	-
18	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	277,711	276,945	277,711	276,945	227,903	227,903	-	-
19	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	513,096	493,633	330,155	331,048	284,762	284,762	-	-
20	Công ty TNHH MTV 27-7	46,519	43,752	46,519	43,752	37,073	37,073	-	-
21	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	1,367,754	1,258,875	1,367,589	1,258,710	655,893	655,893	-	-
22	Công ty CBTPXK Hùng Vương	8,154	15,699	8,154	15,699	226,125	226,125	-	-
23	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	199,024	186,676	151,698	136,258	129,631	129,631	-	-
24	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	13,462	40,269	61,251	62,771	39,595	39,595	6,276	6,276
25	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	291,772	308,027	291,772	308,027	230,601	144,922	-	-
26	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	196,341	238,772	132,327	93,309	68,052	31,235	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	285,333	261,605	225,962	202,052	145,859	145,859	-	-
28	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	183,800	179,233	124,577	112,065	90,706	90,706	-	-
29	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	94,391	88,323	73,003	70,572	43,722	43,722	-	-
30	Công ty TNHH MTV Thảo cảm viên Sài Gòn	616,975	656,519	616,698	656,200	58,667	58,139	-	-
31	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	52,584	52,584	45,150	45,150	37,658	37,658	-	-
32	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	351,102	346,833	347,069	342,800	227,677	227,677	-	-
33	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	201,948	195,893	167,655	161,664	135,355	135,354	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	82,366	72,939	62,947	52,193	37,615	37,615	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	85,622	82,915	51,214	65,741	27,139	47,931	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	52,181	45,534	51,780	45,186	20,365	15,202	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	49,919	50,395	34,039	41,224	22,284	28,827	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	133,052	143,918	51,843	62,880	46,523	46,523	-	-
39									

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Tổng số		Trong đó					
				Tổng số		Vốn chủ sở hữu			
				Vốn chủ sở hữu		Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	
		MS BCĐKT 400		MS BCĐKT 410		MS BCĐKT 411		MS BCĐKT 412	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	14,905	14,245	14,532	13,872	11,387	11,387	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	40,954	44,135	35,364	38,497	24,656	24,656	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	(1,081)	11,487	14,085	17,235	6,821	6,826	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	12,180	11,599	12,145	11,594	6,210	6,240	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	81,558	75,818	69,616	66,114	52,203	52,203	16,184	16,184
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	610,133	628,237	43,570	40,871	34,035	34,035	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	13,622	20,528	13,029	20,516	7,527	7,527	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	80,043	80,984	19,332	34,606	12,818	12,818	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	61,173	66,724	26,967	32,199	14,844	14,844	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	143,062	27,695	18,564	24,457	10,640	18,055	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	38,534	34,550	38,534	34,550	38,783	38,783	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	34,051	29,589	33,889	29,427	20,145	20,145	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	902,903	1,022,283	332,680	329,063	288,378	289,835	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu							
		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
		MS BCĐKT 413		MS BCĐKT 414		MS BCĐKT 415		MS BCĐKT 416	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	209,572	205,527	(493)	(3,995)	930	930	14,757	14,120
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	37,983	37,983	-	-	930	930	7,211	7,691
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	1	1
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	7,210	7,690
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	16,604	16,604	-	-	-	-	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	2,141	2,141	-	-	930	930	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	17,918	17,918	-	-	-	-	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	1,320	1,320	-	-	-	-	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	-	-	-	-	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	-	-	-	-	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỢC SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu							
		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
		MS BCĐKT 413		MS BCĐKT 414		MS BCĐKT 415		MS BCĐKT 416	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	171,589	167,544	(493)	(3,995)	-	-	7,546	6,429
18	Quý phát triển nhà ở TP	7,421	7,421	-	-	-	-	-	-
19	Quý bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	4,452	4,452	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	-	-	-	(119)
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	73,771	60,110	-	-	-	-	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	13,780	358	-	-	-	-	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	-	-	-	-	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	-	-	-	-	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	58,504	58,504	-	-	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	-	-	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	9,671	14,950	-	-	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	0	0	-	-	-	-	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	-	-	-	-	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu							
		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
		MS BCĐKT 413		MS BCĐKT 414		MS BCĐKT 415		MS BCĐKT 416	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	-	-	-	-	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	-	-	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	1,722	1,722	(493)	(3,995)	-	-	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	-	-	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	-	-	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	17,715	-	-	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	-	-	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	2,245	2,312	-	-	-	-	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	23	-	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	-	-	-	-	7,546	6,548

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu							
		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
		MS BCĐKT 417		MS BCĐKT 418		MS BCĐKT 419		MS BCĐKT 420	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	3,784,561	2,938,751	176,030	191,988	463	0	4,511,453	3,712,346
	<u>A. KHỐI TỔNG CÔNG TY</u>	3,519,030	2,760,736	106,044	105,284	463	-	4,336,024	3,380,689
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	83,079	48,006	-	-	-	-	9,506	11,560
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	134,142	61,584	-	-	-	-	349,223	194,995
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV		57,465	-	-	-	-	59,499	
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	154,840	102,785	-	-	463	-	83,943	36,549
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	679,874	625,439	-	-	-	-	490,977	583,478
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	39,820	16,968	-	-	-	-	42,156	40,714
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	66,110	65,827	-	-	-	-	166,044	156,459
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	14,430	6,776	11,779	11,779	-	-	25,429	23,602
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	1,594,144	994,266	-	-	-	-	192,272	192,272
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	211,480	-	-	-	-	473,618	465,825
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	125,278	31,028	-	-	-	-	100,006	208,882
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	2,281	-	1,066	306	-	-	6,783	9,445
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	5,883	-	-	-	-	-	14,411	6,615
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ SÀI GÒN	76,751	155,827	93,199	93,199	-	-	232,714	431,215
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	540,691	190,790	-	-	-	-	970,225	245,418
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	1,707	10,023	-	-	-	-	(7,757)	658
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM		182,472	-	-	-	-	1,126,975	773,002

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu							
		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
		MS BCĐKT 417		MS BCĐKT 418		MS BCĐKT 419		MS BCĐKT 420	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	265,531	178,015	69,986	86,704	-	-	175,429	331,657
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	58,106	58,106	8,273	8,273	-	-	54,885	43,997
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	25,724	25,725	5,714	9,384	-	-	13,918	9,481
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	34,083	27,021			-	-	11,310	19,265
21	Công ty TNHH MTV 27-7	533	-	-	533	-	-	8,913	6,265
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	1,531	1,531	-	-	-	-	(42,277)	(23,958)
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	-	-	(217,971)	(210,426)
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	5,632	3,833	177	1,211	-	-	1,819	566
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	2,329	2,329	-	-	-	-	13,051	14,571
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	59,997	20,000	-	8,840	-	-	1,174	134,265
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	0	7,205	4,159	6,827	-	-	60,116	48,042
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	21,693	-	4,643	4,643	-	-	53,767	51,550
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	1,709	1,709	-	-	32,162	19,650
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	3,343	2,404	-	-	-	-	25,938	24,446
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	581	581	-	-	(44,785)	(2,466)
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	7,492	7,492	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	8,186	8,186	-	-	-	-	52,702	48,433
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	2,112	2,112	-	-	30,188	24,198
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	1,700	-	-	2,208	-	-	23,632	12,370
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	3,313	1,919	-	-	20,762	15,891
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	3,607	2,607	-	-	18,137	12,427
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	7,700	7,700	4,055	4,697	-	-	0	0
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	5,320	4,809	-	-	-	11,548

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu							
		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
		MS BCDKT 417		MS BCDKT 418		MS BCDKT 419		MS BCDKT 420	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	3,020	2,360	-	-	-	-	125	125
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	3,289	3,289	-	-	-	-	7,419	10,552
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	1,725	-	-	1,538	-	-	5,539	8,871
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	480	227	-	-	5,455	5,127
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	-	-	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	831	831	5,921	5,921	-	-	2,699	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	5,229	407	273	273	-	-	-	12,309
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	818	818	-	-	5,696	3,255
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	3,771	-	2,411	1,154	-	-	5,941	16,201
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	1,031	1,031	-	-	4,648	3,059
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	3,388	3,388	-	-	-	-	(3,637)	(7,621)
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	425	425	-	-	13,296	8,857
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	13,721	3,700	7,472	7,472	-	-	10,807	10,807

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu				Nguồn kinh phí và quỹ khác		Nguồn kinh phí và quỹ khác	
		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Nguồn kinh phí và quỹ khác		Nguồn kinh phí	
		MS BCĐKT 421		MS BCĐKT 422		MS BCĐKT 430		MS BCĐKT 432	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	1,562,497	1,372,021	1,393,031	1,372,859	2,036,029	2,047,153	630,951	652,002
	A. KHỎI TỔNG CÔNG TY	276,092	195,497	1,393,031	1,372,859	92,307	17,189	92,090	16,972
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV			131,372	66,719	-	-	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV			62,320	59,387	148	148	148	148
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV			345,864	151,727	-	-	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	30,696	-	100,992	423,308	52,988	1,096	52,988	1,096
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	47	47	723	642	38,926	15,700	38,926	15,700.00
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV			87,571	83,317	-	-	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	12,682	12,682	38,251	30,663	-	-	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV			45,523	2,136	-	-	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	55,122	14,757	94,667	93,243	-	-	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	442,943	419,941	-	-	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	32,127	31,177	-	-	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	2,817	2,817	245	245	28	28
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	6,306	6,242	-	-	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	144,363	144,303	-	-	-	-	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỠC SÀI GÒN	33,182	23,708	1,555	1,540	-	-	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM			-	-	-	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu				Nguồn kinh phí và quỹ khác		Nguồn kinh phí và quỹ khác	
		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Nguồn kinh phí và quỹ khác		Nguồn kinh phí	
		MS BCĐKT 421		MS BCĐKT 422		MS BCĐKT 430		MS BCĐKT 432	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	1,286,405	1,176,524	-	-	1,943,722	2,029,964	538,861	635,030
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	-	-	182,941	162,585	166,514	146,158
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	678,671	565,134	-	-	165	165	165	165
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương			-	-	-	-	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	659	659	-	-	47,326	50,418	47,326	50,418
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	-	-	(47,789)	(22,502)	(47,789)	(22,502)
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	-	-	64,014	145,463	44,385	125,834
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	-	-	59,371	59,553	(289)	(145)
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	-	-	59,223	67,168	24,037	23,041
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	21,388	17,751	4,770	1,133
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	602,235	599,946	-	-	277	319	277	319
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	7,434	7,434	7,434	7,434
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	4,033	4,033	4,033	4,033
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	-	-	34,293	34,229	4,890	4,825
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	-	-	19,419	20,746	2,455	3,704
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	-	-	34,408	17,174	15,100	17,146
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	-	-	401	348	401	348
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	-	-	15,880	9,171	8,133	9,171
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	-	-	81,209	81,038	7,240	7,069

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN							
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó							
		Vốn chủ sở hữu				Nguồn kinh phí và quỹ khác		Nguồn kinh phí và quỹ khác	
		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Nguồn kinh phí và quỹ khác		Nguồn kinh phí	
		MS BCĐKT 421		MS BCĐKT 422		MS BCĐKT 430		MS BCĐKT 432	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	-	-	373	373	99	99
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	-	-	5,590	5,638	602	601
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	(15,166)	(5,748)	(15,166)	(5,748)
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	35	5	5	5
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	11,942	9,704	6,736	6,837
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	84	84	-	-	566,563	587,366	23,798	17,211
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	-	-	593	12	581	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	-	-	60,711	46,378	43,447	46,378
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	-	-	34,206	34,525	7,697	7,278
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	-	-	124,498	3,238	972	3,209
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	161	161	161	161
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	4,756	10,701	-	-	570,223	693,220	180,847	180,848

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN		CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó		Trong đó					
		Nguồn kinh phí và quỹ khác		Tài sản thuê ngoài		Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	
		Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ							
		MS BCĐKT 433							
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	1,405,078	1,395,151	-	-	1,328	1,328	817	657
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	217	217	-	-	1,328	1,328	817	657
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-				293
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	1,328	1,328		
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	-	-	-	-	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	217	217	-	-	-	-	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	-	-	-	-	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	-	-	-	-	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-	817	364
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	-	-	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN		CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó		Trong đó					
		Nguồn kinh phí và quỹ khác		Tài sản thuê ngoài	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
		Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ							
		MS BCĐKT 433							
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	1,404,861	1,394,934	-	-	-	-	-	-
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	16,427	16,427	-	-	-	-	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	-	-	9,827	4,383	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	-	-	-	-	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	19,629	19,629	-	-	-	-	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	59,660	59,698	-	-	-	-	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	35,186	44,127	-	-	-	-	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	16,618	16,618	-	-	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	29,403	29,403	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	16,964	17,042	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	19,308	28	-	-	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	7,747	0	-	-	-	-	3,621	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	73,969	73,969	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	TỔNG NGUỒN VỐN		CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
		Vốn chủ sở hữu							
		Trong đó		Trong đó					
		Nguồn kinh phí và quỹ khác		Tài sản thuê ngoài		Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	
		Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ							
		MS BCĐKT 433							
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	274	274	-	-	-	-	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	4,988	5,037	-	-	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	30	-	-	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	5,206	2,867	-	-	-	-	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	542,765	570,155	-	-	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	12	12	-	-	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	17,264	-	-	-	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	26,509	27,247	-	-	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	123,526	29	-	-	-	-	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	389,376	512,372	-	-	-	-	-	-

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
		Trong đó					
		Nợ khó dò đã xử lý		Ngoại tệ các loại (USD)		Dự toán chi sự nghiệp, dự án	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	TỔNG CỘNG	24,209	14,461	211,433	274,564	-	-
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	24,209	14,461	211,433	274,564	-	-
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	1,802	1,802	47,459	47,532		
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	2,198	2,198				
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	11,057	9,763	112,512	3,317		
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	9,152	698	5,676	201,960		
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	36,775	19,823		
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	-	-	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	-	-	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	-	-	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	8,749	1,827		
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	-	-	-	-	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	-	-	-	-	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỠC SÀI GÒN			262.08	105		
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
		Trong đó					
		Nợ khó đòi đã xử lý		Ngoại tệ các loại (USD)		Dự toán chi sự nghiệp, dự án	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP</u>	-	-	-	-	-	-
18	Quý phát triển nhà ở TP	-	-	-	-	-	-
19	Quý bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	322	300	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	-	-	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	-	-	-	-	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	626	626	393	332	-	-
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	99,156	80,139	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	471	471		1,394	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	-	-	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	-	-	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	-	-	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	-	-	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	-	-	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	-	-	-	-
33	Cty TNHH MTV Thoát nước Đô thị	-	-	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	-	-	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	246	373	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	-	-	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	-	-	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	-	-	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
		Trong đó					
		Nợ khó đòi đã xử lý		Ngoại tệ các loại (USD)		Dự toán chi sự nghiệp, dự án	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	-	-	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	-	-	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	-	-	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	-	-	-	-	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	-	-	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	-	-	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	-	-	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	-	-	-	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	-	-	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	134	134	-	2	-	-